TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH LƯU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nghệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Đóa và ông Trần Xuân Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Lệ Giang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Phương Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 164/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên toà số 71/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2024 giữa:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị K, sinh năm 1996. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức A, sinh năm 1994. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức A có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 19/4/2016 tại UBND xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về ở chung với bố mẹ chồng tại thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng dần dần hai bên thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng về quan điểm sống. Tháng 01/2021 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, giữa vợ chồng không còn tiếng nói chung, không quan tâm đến nhau nữa và sống ly thân từ đó đến nay. Nay

tình cảm của chị với anh Đức A không còn, đời sống chung không thể kéo dài, chị đề nghị cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức A.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Đức A có 01 con chung là Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 17/5/2017, hiện nay con đang ở với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/7/2024, quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Đức A trình bày: Anh thống nhất như lời trình bày của chị K về điều kiện, thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng bình thường, anh đi làm ở nước ngoài, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2021 do việc làm ăn của anh gặp khó khăn, mất mát về kinh tế nên không gửi tiền về cho chị K thường xuyên, từ đó vợ chồng mâu thuẫn. Chị K thuê ốt ở xã S, huyện Q, tỉnh Nghệ An ở, anh vẫn đi lại, thăm nom vợ con. Khi mâu thuẫn anh có tác động đến gia đình để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị K không đồng ý. Anh vẫn còn tình cảm với chị K nên không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị K.

Về con chung: Anh và chị K có 01 con chung là Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 17/5/2017 hiện nay đang ở với chị K, nếu chị K kiên quyết ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại UBND xã Q cho biết: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Đức A không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Quá trình chung sống, anh A và chị K có 01 con chung là Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 17/5/2017. Giữa anh A và chị K có mâu thuẫn như thế nào địa phương không biết vì không ai yêu cầu hòa giải cơ sở. Nay chị K yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Đức A, giải quyết về con chung địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cháu Nguyễn Ngọc D có nguyện vọng được ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Toà án đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71,72 BLTTDS năm 2015.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227; 238 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K. Cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Đức A.

- Về con chung: Giao 01 con chung Nguyễn Ngọc D (sinh ngày 17/5/2017) cho chị Nguyễn Thị K được chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh A do chị K không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị K có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Đức A, có nguyện vọng nuôi con chung, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Anh Nguyễn Đức A có nơi thường trú tại thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị K và bị đơn anh Nguyễn Đức A.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Đức A là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chung sống không hòa hợp. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đức A không đồng ý ly hôn, có nguyện vọng đoàn tụ nhưng không tác động tích cực để chị K thay đổi ý kiến, chị K vẫn kiên quyết xin ly hôn, điều này cho thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Đức A.

[2.2] Nguyện vọng được nuôi con của chị K và anh Đức A là chính đáng, thể hiện trách nhiệm và nghĩa vụ đối với con chung. Tuy nhiên, từ khi vợ chồng mâu thuẫn, chị K là người trực tiếp nuôi con chung, có nhiều thời gian dành cho con. Việc chị K nuôi con vẫn đảm bảo các điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cho con chung phát triển toàn diện, mặt khác con chung là cháu gái, việc phát triển tâm sinh lý phức tạp nên ở với mẹ là phù hợp hơn, mặt khác cháu Ngọc D cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp

nhận nguyện vọng về con của chị K. Giao con chung Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 17/5/2017 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng

Chị K không yêu cầu anh Đức A đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét

[3] Về án phí: Chị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn anh Nguyễn Đức A.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 17/5/2017 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Đức A vì chị K không yêu cầu.

Anh Nguyễn Đức A có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Đức A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu theo biên lai số 0005621 ngày 14/6/2024.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án

dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K, bị đơn anh Nguyễn Đức A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- UBND xã Quỳnh Quỳnh Lập (ĐKKH 2016);
- Đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nghệ